

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng

Ngày thi: 03/04/2026

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2510040027 | Phạm Ngọc Minh Châu     | 15/11/2007 |        | 1     | 7.0     | Bảy      | C27CK  |         |
| 2   | 2510040005 | Phan Thành Công         | 20/08/2005 |        | 1     | 5.0     | Năm      | C27CK  |         |
| 3   | 2510040032 | Nguyễn Thanh Đạt        | 29/07/2007 |        | 1     | 5.0     | Năm      | C27CK  |         |
| 4   | 2510040029 | Trần Khải Đăng          | 25/06/2007 |        | 1     | 4.5     | Bốn rưỡi | C27CK  |         |
| 5   | 2510040025 | Thạch Anh Hào           | 08/04/2007 |        | 1     | 6.0     | Sáu      | C27CK  |         |
| 6   | 2510040028 | Trần Đình Huân          | 06/07/2007 |        | 1     | 5.0     | Năm      | C27CK  |         |
| 7   | 2510040012 | Phan Hoàng Huy          | 22/07/2007 |        | 1     | 6.0     | Sáu      | C27CK  |         |
| 8   | 2510040011 | Ngô Văn Hy              | 27/08/2007 |        | 1     | 4.5     | Bốn rưỡi | C27CK  |         |
| 9   | 2510040024 | Trần Đình Khiêm         | 20/11/2006 |        | 1     | 5.0     | Năm      | C27CK  |         |
| 10  | 2510010020 | Nguyễn Võ Ngọc Phúc Lâm | 19/12/2006 |        | 01    | 6.0     | Sáu      | C27CK  |         |
| 11  | 2510040031 | Tô Hoàng Long           | 20/11/2007 |        | 1     | 7.0     | Bảy      | C27CK  |         |
| 12  | 2310040048 | Nguyễn Ngọc Luân        | 02/10/2005 |        | 1     | 6.5     | Sáu rưỡi | C25CK2 |         |
| 13  | 2510040007 | Huỳnh Ngọc Duy Mẫn      | 04/05/2007 |        | 1     | 5.0     | Năm      | C27CK  |         |
| 14  | 2310040035 | Trần Nhựt Minh          | 20/08/2005 |        | 1     | 5.5     | Năm rưỡi | C25CK2 |         |
| 15  | 2310040020 | Cao Hoàng Năng          | 25/03/2005 |        | 1     | 5.0     | Năm      | C25CK1 |         |
| 16  | 2510040014 | Nguyễn Thành Nhân       | 26/11/2007 |        | 1     | 5.5     | Năm rưỡi | C27CK  |         |
| 17  | 2510040013 | Nguyễn Hoàng Quân       | 09/11/2007 |        | 1     | 7.0     | Bảy      | C27CK  |         |
| 18  | 2510040008 | Lê Tấn Tài              | 03/08/2007 |        | 1     | 7.5     | Bảy rưỡi | C27CK  |         |
| 19  | 2510150004 | Ngô Văn Thái            | 11/10/2007 |        | 1     | 6.5     | Sáu rưỡi | C27CK  |         |
| 20  | 2510040021 | Nguyễn Cường Thịnh      | 08/12/2007 |        | 1     | 4.0     | Bốn      | C27CK  |         |
| 21  | 2510040016 | Nguyễn Thành Thông      | 25/04/2007 |        | 1     | 7.0     | Bảy      | C27CK  |         |
| 22  | 2510040009 | Lê Thanh Tiến           | 04/12/2007 |        | 1     | 4.5     | Bốn rưỡi | C27CK  |         |
| 23  | 2510040030 | Nguyễn Thanh Vinh       | 07/06/2007 |        | 1     | 6.5     | Sáu rưỡi | C27CK  |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 23 / 23

Số sinh viên đạt: 23 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Minh Vàng

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng - (02012, 02052)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: Trần Minh Vàng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên           |       | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký             | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------|-------|------------|--------|--------------------|---------|----------|---------|
| 1   | 2510040020 | Huỳnh Vĩnh          | An    | 10/03/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 2   | 2510040027 | Phạm Ngọc Minh      | Châu  | 15/11/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 3   | 2510040005 | Phan Thành          | Công  | 20/08/2005 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 3,5     | Ba rưỡi  |         |
| 4   | 2510040015 | Bùi Văn Phương      | Duy   | 26/05/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 5,0     | Năm      |         |
| 5   | 2510040032 | Nguyễn Thanh        | Đạt   | 29/07/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 6   | 2510040006 | Dương Hải           | Đăng  | 20/07/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 7   | 2510040004 | Phạm Khánh          | Đăng  | 05/01/2007 | C27CK  |                    |         |          |         |
| 8   | 2510040029 | Trần Khải           | Đăng  | 25/06/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 9   | 2510040025 | Thạch Anh           | Hào   | 08/04/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 10  | 2510040028 | Trần Đình           | Huân  | 06/07/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 11  | 2510040023 | Bùi Gia             | Huy   | 25/10/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 4,0     | Bốn      |         |
| 12  | 2510040012 | Phan Hoàng          | Huy   | 22/07/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 13  | 2510040001 | Nguyễn              | Hung  | 24/08/2006 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 5,0     | Năm      |         |
| 14  | 2510040011 | Ngô Văn             | Hy    | 27/08/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 15  | 2510030021 | Nguyễn Duy          | Khang | 04/11/2007 | C27CK  |                    |         |          |         |
| 16  | 2510040024 | Trần Đình           | Khiêm | 20/11/2006 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 17  | 2510040034 | Nguyễn Đức Nguyên   | Khôi  | 19/07/2007 | C27CK  |                    |         |          |         |
| 18  | 2510010020 | Nguyễn Võ Ngọc Phúc | Lâm   | 19/12/2006 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 3,5     | Ba rưỡi  |         |
| 19  | 2510040031 | Tô Hoàng            | Long  | 20/11/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 20  | 2510040026 | Phan Thiên          | Lộc   | 30/09/2007 | C27CK  |                    |         |          |         |
| 21  | 2510040007 | Huỳnh Ngọc Duy      | Mẫn   | 04/05/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 22  | 2510040022 | Lê Hoàng            | Minh  | 13/08/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 4,5     | Bốn rưỡi |         |
| 23  | 2510040014 | Nguyễn Thành        | Nhân  | 26/11/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 4,5     | Bốn rưỡi |         |
| 24  | 2510040010 | Nguyễn Thành        | Phước | 02/01/2003 | C27CK  |                    |         |          |         |
| 25  | 2510040018 | Huỳnh Hoàng Minh    | Quân  | 10/01/2007 | C27CK  |                    |         |          |         |
| 26  | 2510040013 | Nguyễn Hoàng        | Quân  | 09/11/2007 | C27CK  | <u>[Signature]</u> | 7,0     | Bảy      |         |

| STT | Mã SV      | Họ và tên    |       | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|--------------|-------|------------|--------|--------|---------|----------|---------|
| 27  | 2510040008 | Lê Tấn       | Tài   | 03/08/2007 | C27CK  |        | 8,0     | Tám      |         |
| 28  | 2510150004 | Ngô Văn      | Thái  | 11/10/2007 | C27CK  |        | 8,0     | Tám      |         |
| 29  | 2510040035 | Hồ Mai Quốc  | Thịnh | 25/02/2007 | C27CK  |        |         |          |         |
| 30  | 2510040021 | Nguyễn Cường | Thịnh | 08/12/2007 | C27CK  |        | 4,5     | Bốn rưỡi |         |
| 31  | 2510040016 | Nguyễn Thành | Thông | 25/04/2007 | C27CK  |        | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 32  | 2510040009 | Lê Thanh     | Tiến  | 04/12/2007 | C27CK  |        | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 33  | 2510040030 | Nguyễn Thanh | Vinh  | 07/06/2007 | C27CK  |        | 6,0     | Sáu      |         |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 33-7 vắng thi: 7 . Số bài thi: 26 / 33 .

Ngày...1...tháng...4...năm...2026

**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN**

(ký & ghi rõ họ tên)

**ThS. Phạm Văn Dũng**

Ngày...1...tháng...3...năm...2026

**GIẢNG VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)

**Trần Minh Vàng**

TRƯỜNG  
PHÒNG  
VÀ B

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng -  
(02012, 02052)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: Trần Minh Vàng Ký tên: Trần Minh Vàng

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký          | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|-------------------------|------------|--------|-----------------|---------|----------|---------|
| 1   | 2510040020 | Huỳnh Vĩnh An           | 10/03/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 5,0     | Năm      |         |
| 2   | 2510040027 | Phạm Ngọc Minh Châu     | 15/11/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 3   | 2510040005 | Phan Thành Công         | 20/08/2005 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 4   | 2510040015 | Bùi Văn Phương Duy      | 26/05/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 5,0     | Năm      |         |
| 5   | 2510040032 | Nguyễn Thanh Đạt        | 29/07/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 6   | 2510040006 | Dương Hải Đăng          | 20/07/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 5,0     | Năm      |         |
| 7   | 2510040004 | Phạm Khánh Đăng         | 05/01/2007 | C27CK  |                 |         |          |         |
| 8   | 2510040029 | Trần Khải Đăng          | 25/06/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 9   | 2510040025 | Thạch Anh Hào           | 08/04/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 10  | 2510040028 | Trần Đình Huân          | 06/07/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 11  | 2510040023 | Bùi Gia Huy             | 25/10/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 12  | 2510040012 | Phan Hoàng Huy          | 22/07/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 13  | 2510040001 | Nguyễn Hưng             | 24/08/2006 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 5,0     | Năm      |         |
| 14  | 2510040011 | Ngô Văn Hy              | 27/08/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 5,5     | Năm rưỡi |         |
| 15  | 2510030021 | Nguyễn Duy Khang        | 04/11/2007 | C27CK  |                 |         |          |         |
| 16  | 2510040024 | Trần Đình Khiêm         | 20/11/2006 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 17  | 2510040034 | Nguyễn Đức Nguyên Khôi  | 19/07/2007 | C27CK  |                 |         |          |         |
| 18  | 2510010020 | Nguyễn Võ Ngọc Phúc Lâm | 19/12/2006 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,0     | Sáu      |         |
| 19  | 2510040031 | Tô Hoàng Long           | 20/11/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 20  | 2510040026 | Phan Thiên Lộc          | 30/09/2007 | C27CK  |                 |         |          |         |
| 21  | 2510040007 | Huỳnh Ngọc Duy Mẫn      | 04/05/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 22  | 2510040022 | Lê Hoàng Minh           | 13/08/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 23  | 2510040014 | Nguyễn Thành Nhân       | 26/11/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |
| 24  | 2510040010 | Nguyễn Thành Phước      | 02/01/2003 | C27CK  |                 |         |          |         |
| 25  | 2510040018 | Huỳnh Hoàng Minh Quân   | 10/01/2007 | C27CK  |                 |         |          |         |
| 26  | 2510040013 | Nguyễn Hoàng Quân       | 09/11/2007 | C27CK  | <u>[Chữ ký]</u> | 7,0     | Bảy      |         |

| STT | Mã SV      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký                                                                             | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|---------|
| 27  | 2510040008 | Lê Tấn Tài         | 03/08/2007 | C27CK  |  | 7,5     | Bảy rưỡi |         |
| 28  | 2510150004 | Ngô Văn Thái       | 11/10/2007 | C27CK  |  | 7,0     | Bảy      |         |
| 29  | 2510040035 | Hồ Mai Quốc Thịnh  | 25/02/2007 | C27CK  |                                                                                    |         |          |         |
| 30  | 2510040021 | Nguyễn Cường       | 08/12/2007 | C27CK  |  | 7,0     | Bảy      |         |
| 31  | 2510040016 | Nguyễn Thành Thông | 25/04/2007 | C27CK  |  | 6,0     | Sáu      |         |
| 32  | 2510040009 | Lê Thanh Tiến      | 04/12/2007 | C27CK  |  | 7,0     | Bảy      |         |
| 33  | 2510040030 | Nguyễn Thanh Vinh  | 07/06/2007 | C27CK  |  | 6,0     | Sáu      |         |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 33-7 vắng thi: 7 . Số bài thi: 26 / 33 .

Ngày 14 tháng 3 năm 2026

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



**ThS. Phạm Văn Dũng**

Ngày 14 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



**Trần Minh Vàng**

TRƯỜNG  
PHÒNG  
VĂN PHÒNG

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng - (02012, 02052)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: Trần Minh Vàng Ký tên: Đm

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký    | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|--------|-----------|---------|----------|---------|
| 1   | 2310040048 | Nguyễn Ngọc Luân   | 02/10/2005 | C25CK2 | <u>Đm</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |
| 2   | 2310040042 | Ngô Triệu Anh Minh | 15/09/2003 | C25CK2 |           |         |          |         |
| 3   | 2310040035 | Trần Nhựt Minh     | 20/08/2005 | C25CK2 | <u>Đm</u> | 6,5     | Sáu rưỡi |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 3-4 vắng thi: 1 Số bài thi: 2 / 3Ngày: 1 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

S. Phạm Văn DũngNgày: 1 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Trần Minh Vàng.

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng -  
(02012, 02052)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: Trần Minh Vàng Ký tên: 

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên      | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký                                                                                    | Điểm số    | Điểm chữ   | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|---------|
| 1   | 2310040020 | Cao Hoàng Năng | 25/03/2005 | C25CK1 | <u></u> | <u>4,0</u> | <u>Bốn</u> |         |

**Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 , Số bài thi: 1 / 1 .Ngày 01 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

  
ThS. Phạm Văn DũngNgày 1 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

  
Trần Minh Vàng.

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng - (02012, 02052)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: Trần Minh Vàng Ký tên: Đm

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký          | Điểm số    | Điểm chữ   | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|--------|-----------------|------------|------------|---------|
| 1   | 2310040048 | Nguyễn Ngọc Luân   | 02/10/2005 | C25CK2 | <u>[Chữ ký]</u> | <u>6,0</u> | <u>Sáu</u> |         |
| 2   | 2310040042 | Ngô Triệu Anh Minh | 15/09/2003 | C25CK2 |                 |            |            |         |
| 3   | 2310040035 | Trần Nhựt Minh     | 20/08/2005 | C25CK2 | <u>[Chữ ký]</u> | <u>8,0</u> | <u>Tám</u> |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 3-1 vắng thi: 1 . Số bài thi: 2 / 3 .Ngày: 14 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn DũngNgày: 14 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Trần Minh Vàng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &  
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

## BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cơ ứng dụng - MH1102129

Mã lớp học phần: 25211MH110212901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường, Trần Minh Vàng -  
(02012, 02052)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: Trần Minh Vàng Ký tên: Trần Minh Vàng

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên      | Ngày sinh  | Mã lớp | Chữ ký                | Điểm số    | Điểm chữ        | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|------------|--------|-----------------------|------------|-----------------|---------|
| 1   | 2310040020 | Cao Hoàng Năng | 25/03/2005 | C25CK1 | <u>Trần Minh Vàng</u> | <u>6,5</u> | <u>Sáu điểm</u> |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.  
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / \_\_\_\_\_.Ngày: 14 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Dũng  
ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 14 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

Trần Minh Vàng  
Trần Minh Vàng